

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số : 1260/2024/HNGĐ-ST
Ngày : 27/09/2024
V/v tranh chấp : “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Đăng Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Xuân Nam

2. Bà Lê Thị Thanh Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Ánh Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Lệ – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 585/2024/TLST-HNGĐ ngày 27/5/2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 335/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/08/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 245/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06/9/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Uyên V, sinh năm 1984;

Thường trú: 5 N, Phường C, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: E N, Phường C, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Bùi Hùng P, sinh năm 1975;

Địa chỉ: 2 P, Phường A, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh

(vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn nộp ngày 15/05/2024 và các lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Uyên V trình bày:*

Bà Lê Thị Uyên V và ông Bùi Hùng P tự nguyện kết hôn năm 2015, đăng ký kết hôn theo Giấy Chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân Phường A, quận P cấp số 25, quyển số 01/2015 ngày 25/04/2015. Trong quá trình chung sống thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm.

Từ ngày 23/09/2023 hai vợ chồng không còn chung sống với nhau, bà V chuyển ra ở riêng cùng con tại E N, Phường C, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Nhận thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà V khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông P.

Về con chung: Bà V và ông P có 01 con chung tên Bùi Lê Ngọc H, sinh ngày 16/06/2015

Tại đơn ly hôn, sau khi ly hôn bà V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Bùi Lê Ngọc H cho đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà V tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Bùi Hùng P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ triệu tập để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng ông P vắng mặt không có lý do.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử sơ thẩm đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn bà Lê Thị Uyên V yêu cầu ly hôn với ông Bùi Hùng P là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà V phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án, xét xử trong trường hợp bị đơn vắng mặt tại phiên tòa:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận.

Theo kết quả xác minh của Công an P1, quận P, ông Bùi Hùng P có đăng ký thường trú và hiện đang cư trú tại số B P, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất ngày 06/09/2024 và phiên tòa sơ thẩm hôm nay nhưng ông P vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng quyết định xét xử vắng mặt ông P.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà V và ông P tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo Giấy Chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân Phường A, quận P cấp số 25, quyển số 1/2015 ngày 25/04/2015 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, không cùng quan điểm sống, không hạnh phúc. Tại bản tự khai bà V xác nhận không còn tình cảm với ông P, đời sống chung không thể kéo dài và có nguyện vọng ly hôn.

Ông P lại vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc lấy lời khai, các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa sơ thẩm. Ông P cũng không có ý kiến gì về yêu cầu ly hôn của bà V và cũng không cung cấp bất kỳ chứng cứ nào. Điều này cho thấy ông P thờ ơ, không quan tâm việc duy trì quan hệ hôn nhân với bà V. Nếu tiếp tục cuộc sống chung thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được.

Căn cứ vào các Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy yêu cầu ly hôn của bà V cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung:

Bà V và ông P có 01 con chung tên Bùi Lê Ngọc H, sinh ngày 16/06/2015.

Tại phiên tòa bà V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Bùi Lê Ngọc H cho đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại bà V và trẻ H đang ở riêng. Tại bản tự khai, trẻ H cũng có mong muốn chung sống cùng bà V.

Để đảm bảo cuộc sống ổn định cũng như điều kiện học tập, sinh hoạt phù hợp với lợi ích của trẻ Hân, căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn

nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của bà V.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền được thăm nom con chung, không ai được cản trở. Con chưa thành niên cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức đóng góp cho việc nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà V tự khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà V chịu 300.000 đồng, được cản trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0029520 ngày 22/05/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014),

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Uyên V.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Uyên V ly hôn với ông Bùi Hùng P.

- Về con chung: Bà V và ông P có 01 con chung tên Bùi Lê Ngọc H, sinh ngày 16/06/2015

Sau khi ly hôn bà V là người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ H cho đến khi đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của bà V không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền được thăm nom con chung, không ai được cản trở. Con chưa thành niên cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức đóng góp cho việc nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà V tự khai không có.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Vi chịu 300.000 đồng, được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0029520 ngày 22/05/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà Lê Thị Uyên V và ông Bùi Hùng P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP HCM;
- VKSND TP HCM;
- VKSND Q.PN;
- Chi cục THA DS Q.PN;
- UBND P.1, Q.PN;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Đăng Hà

